

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/7/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hi, sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn C, xã M, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: anh Trịnh Trung K1, sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn H1, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hi trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Trịnh Trung K1 năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau. Tình cảm vợ chồng hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính nết không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay không quan tâm gì nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh K1.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trịnh Anh K, sinh ngày 21/5/2014, hiện cháu K đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. Hiện nay chị có cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống có đủ điều kiện nuôi con nên chị không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, chị vắng mặt.

* *Đối với anh Trịnh Trung K1 là bị đơn trong vụ án*, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án, anh K1 đều vắng mặt và Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của anh K1.

Tại phiên tòa, anh K1 vắng mặt.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hi, cho chị Hi ly hôn anh K1. Giao con chung cho chị Hi tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Hi nộp đơn yêu cầu ly hôn anh K1, cư trú tại thôn H1, xã H, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Hi vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh K1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Hi đối với anh K1:

Chị Hi và anh K1 kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tân Yên nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính nết anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Anh chị đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Qua xác minh, gia đình anh K1 cũng cho biết anh chị mâu thuẫn và ly thân từ cách đây 03 năm, gia đình cũng đã khuyên nhủ nhưng anh chị không đoàn tụ được. Nay chị Hi xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh K1. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hi đối với anh K1.

[4] Về con chung: chị Hi và anh K1 có 01 con chung là Trịnh Anh K, sinh ngày 21/5/2014. Khi ly hôn, chị Hi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. HĐXX thấy, cháu K ở cùng chị Hi từ lúc sinh ra đến nay nên cần giữ sự ổn định cuộc sống của cháu. Hiện nay chị Hi có cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống có đủ điều kiện nuôi con, anh K1 không có ý kiến thể hiện quan điểm về việc nuôi con nên HĐXX giao cho chị Hi tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Hi không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Hi và anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Hi phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hi được ly hôn anh Trịnh Trung K1.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Hi tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Anh K, sinh ngày 21/5/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Sau khi ly hôn, anh K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh K1 thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hi phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006448 ngày 24/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hi đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hi, anh K1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng

